

# ĐẠI TỪ

## I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được thế nào là đại từ.
- Nắm được các loại đại từ tiếng Việt.
- Có ý thức sử dụng đại từ hợp với tình huống giao tiếp.

## II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Các nhà Việt ngữ học khá nhất trí trong quan niệm về đại từ. Đại từ có mấy đặc điểm sau đây :

a) Đại từ không làm tên gọi của sự vật, hoạt động, tính chất, số lượng, ... mà dùng để trở hoặc hỏi về sự vật, hoạt động, tính chất, số lượng, ... Đại từ trở sự vật gì, hoạt động, tính chất gì, số lượng bao nhiêu là tùy thuộc vào ngữ cảnh.

b) Đại từ có tác dụng thay thế cho danh từ, động từ, tính từ, số từ đã được nói đến trong phát ngôn. Đại từ thay thế cho loại từ nào thì có vai trò cú pháp giống như loại từ đó. Ví dụ : Danh từ có thể làm chủ ngữ, định ngữ, bổ ngữ thì đại từ thay thế cho danh từ cũng có thể đóng các vai trò đó.

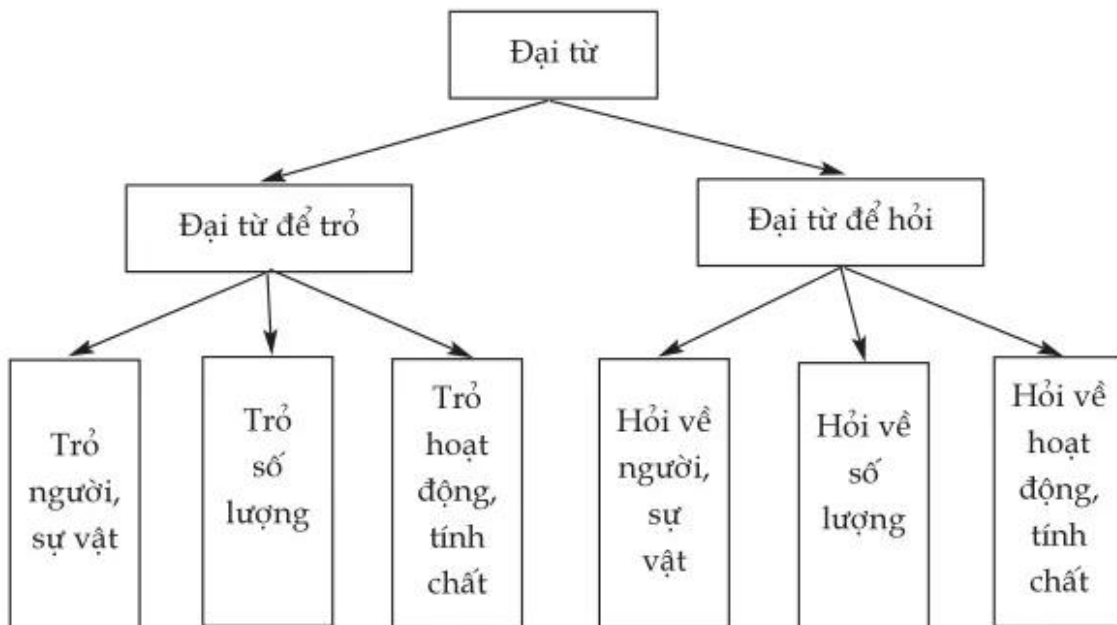
c) Đại từ không làm bộ phận trung tâm để cấu tạo cụm từ. Ví dụ : Đại từ trở người, sự vật như *tôi, mày, chúng nó, ...* không có các định ngữ như danh từ.

Trên đây là ba đặc điểm chính của đại từ. Tuy nhiên, ở SGK *Ngữ văn 7* chỉ nói đến hai đặc điểm đầu, không nói đến đặc điểm thứ ba. Trên quan điểm thực hành, có lẽ chỉ cần HS nhận thức hai đặc điểm đầu là đủ.

Điều đáng chú ý là, trong SGK Tiếng Việt ở cấp THCS trước đây, các từ như *đây, đó, này, kia, ấy, nọ, ...* đều được coi là đại từ (đại từ chỉ định) nhưng trong chương trình mới của môn Ngữ văn, các từ này được xếp thành một từ loại riêng, gọi là *chỉ từ* (học ở lớp 6). Nên coi những từ này là một tiểu loại của đại từ hay xếp chúng thành một từ loại riêng là điều còn phải tiếp tục thảo luận. Tuân theo tinh thần của chương trình mới, phạm vi đại từ được thu hẹp lại như đã trình bày trong SGK.

2. Về sự phân loại đại từ. Quan niệm về đại từ nói chung là giống nhau, nhưng ý kiến về sự phân loại đại từ còn khác nhau. Nguyễn Kim Thản chia đại từ thành ba loại lớn : đại thể từ, đại vị từ và đại từ nghi vấn. Cuốn *Ngữ pháp tiếng Việt* của UBKHXH Việt Nam cũng có cách phân loại như vậy (tuy cách gọi mỗi loại có khác với cách gọi của Nguyễn Kim Thản). Nguyễn Hữu Quỳnh chia đại từ thành sáu loại : đại từ xưng hô, đại từ chỉ định sự vật, đại từ chỉ định không gian thời gian, đại từ chỉ trạng thái, đại từ chỉ số lượng, đại từ để hỏi.

Giải pháp được trình bày trong SGK *Ngữ văn 7* là : Trước hết phân đại từ thành hai loại lớn : đại từ để trả và đại từ để hỏi. Sau đó tiếp tục phân đại từ để trả và đại từ để hỏi thành ba tiểu loại theo nội dung ý nghĩa của mỗi loại. Hệ thống phân loại đại từ trong SGK biểu hiện bằng sơ đồ sau :



3. Với một tiết học về đại từ, không thể trình bày kĩ về cách dùng mỗi đại từ. Hơn nữa, cũng không cần thiết phải làm như vậy đối với HS là người bản ngữ. Tiết học này chủ yếu là cung cấp cho HS một số điều cơ bản, khái quát về đại từ tiếng Việt. Theo quan điểm thực hành thì quan trọng là làm cho HS có ý thức dùng đại từ xưng hô đúng chuẩn mực, phù hợp với văn hoá giao tiếp của người Việt.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

**Hoạt động 1.** Tìm hiểu thế nào là đại từ. Như đã nói ở trên, đại từ là lớp từ dùng để trở hoặc hỏi. Khái niệm "hỏi" rất dễ hiểu. Khái niệm "trở" tương đối khó hiểu với HS. Để HS hiểu thế nào là trở, GV có thể dùng phương pháp so sánh : So sánh đại từ với danh từ, động từ, tính từ là những loại thực từ mà HS đã học ở lớp 6. Danh từ, động từ, tính từ làm tên gọi của sự vật, hoạt động, tính chất. Ví dụ :

- *Ngựa* là tên gọi của một loại sự vật (vẽ hình con ngựa).
- *Cười* là tên gọi của một loại hoạt động (vẽ một bộ mặt cười).
- *Đỏ* là tên gọi của một loại tính chất (vẽ một vật màu đỏ).

Đại từ không làm tên gọi của sự vật, hoạt động, tính chất mà chỉ dùng để trở sự vật, hoạt động, tính chất. Như vậy, "trở" tức là không trực tiếp gọi tên sự vật, hoạt động, tính chất mà dùng một công cụ khác (tức là đại từ) để chỉ ra một sự vật, hoạt động, tính chất nào đó được nói đến. Đại từ trở cái gì là tùy thuộc vào trường hợp giao tiếp cụ thể.

Lấy đại từ *nó* làm ví dụ. *Nó* trong đoạn văn của Khánh Hoài được dẫn ra trong SGK trở *em tôi*. Còn trong đoạn văn của Võ Quảng thì *nó* lại trở *con gà của anh Bốn Linh*.

Sau khi đã nắm được thế nào là trở thì việc trả lời câu hỏi 1 và câu hỏi 2 không còn khó khăn nữa. Câu hỏi 4 gợi dẫn HS tìm hiểu vai trò ngữ pháp của đại từ. *Nó* ở đoạn văn của Khánh Hoài và *ai* trong bài ca dao là chủ ngữ. *Nó* trong đoạn văn của Võ Quảng là phụ ngữ của danh từ. *Thế* ở ví dụ *c* là phụ ngữ của động từ. Đại từ làm vị ngữ như : *Người học giỏi nhất lớp là nó*.

Khâu cuối cùng của hoạt động này, GV tổng kết lại hoặc cho HS tổng kết lại hai điều cần ghi nhớ đã nêu trong SGK.

**Hoạt động 2.** Tìm hiểu về các loại đại từ. Đại từ chia thành hai loại : đại từ để trở và đại từ để hỏi. Mỗi loại trên đây lại chia thành ba tiểu loại. Các câu hỏi nhằm gợi dẫn HS hiểu được ý nghĩa của mỗi tiểu loại. GV có thể cho HS đặt một số câu với một số đại từ đã cho trong các câu hỏi để HS tự rút ra được kết luận chính xác.

**Hoạt động 3.** Hướng dẫn HS làm bài tập (trang 56 – 57, SGK).

Như đã nói ở phần Những điều cần lưu ý, trên quan điểm thực hành cần coi trọng việc giáo dục HS ý thức dùng đại từ xưng hô phù hợp với văn hoá giao tiếp của người Việt. Vì vậy, phần lớn các bài tập đều tập trung xoay quanh chủ đề này. Các bài tập 1, 2, 3 làm ở lớp. Các bài tập 4, 5 có thể làm ở nhà. Nếu có điều kiện, GV dành một số thời gian để HS thảo luận ở tổ hoặc ở lớp về các nội dung đã chuẩn bị ở nhà.

#### IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

##### **Bài tập 1.**

a) GV nên giải thích cho HS hiểu thế nào là ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai, ngôi thứ ba ; thế nào là số ít, số nhiều.

b) *Mình* ở câu đầu thuộc ngôi thứ nhất.

*Mình* ở câu sau thuộc ngôi thứ hai.

**Bài tập 4.** Là bài tập liên hệ với thực tế, GV cho HS được tự do phát biểu ý kiến riêng.

**Bài tập 5.\*** Đại từ xưng hô trong tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc ít hơn từ xưng hô trong tiếng Việt và nói chung là có tính chất trung tính, không mang ý nghĩa biểu cảm.

#### V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Kim Thản, *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.

2. UBKHXH Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.

3. Đinh Văn Đức, *Ngữ pháp tiếng Việt – Từ loại*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1986.